

LUYỆN TẬP CHIA THÌ HỖN HỢP

1. In all the world, there (be) _____ only 14 mountains that (reach) _____ above 8,000 meters.

Xảy ra khoảng thời gian nào?	
Có cụ thể không?	
Có sự xảy ra trước sau?	
Nếu vậy, chốt thì nào? Tại sao?	

2. He sometimes (come) _____ to see his parents.

Xảy ra khoảng thời gian nào?	
Có cụ thể không?	
Có sự xảy ra trước sau?	
Nếu vậy, chốt thì nào? Tại sao?	

3. When I (come) _____, she (leave) _____ for Dalat ten minutes ago.

Xảy ra khoảng thời gian nào?	
Có cụ thể không?	
Có sự xảy ra trước sau?	
Nếu vậy, chốt thì nào? Tại sao?	

4. My grandfather (fly) _____ in an airplane, and he has no intention of ever doing so.

Xảy ra khoảng thời gian nào?	
Có cụ thể không?	
Có sự xảy ra trước sau?	
Nếu vậy, chốt thì nào? Tại sao?	

5. Right now I (attend) _____ class. Yesterday at this time I (attend) _____ class.

Xảy ra khoảng thời gian nào?	
Có cụ thể không?	
Có sự xảy ra trước sau?	
Nếu vậy, chốt thì nào? Tại sao?	

6. Tomorrow I'm going to leave for home. When I (arrive) _____ at the airport, Mary (wait) _____ for me.

Xảy ra khoảng thời gian nào?	
Có cụ thể không?	
Có sự xảy ra trước sau?	
Nếu vậy, chốt thì nào? Tại sao?	

7. Margaret was born in 1950. By last year, she (live) _____ on this earth for 55 years .

Xảy ra khoảng thời gian nào?	
Có cụ thể không?	
Có sự xảy ra trước sau?	
Nếu vậy, chốt thì nào? Tại sao?	

11. The traffic _____ very heavy. By the time I (get) _____ to Mary's party, everyone already (arrive) _____

Xảy ra khoảng thời gian nào?	
Có cụ thể không?	
Có sự xảy ra trước sau?	
Nếu vậy, chốt thì nào? Tại sao?	

12. I will graduate in June. I (see) _____ you in July. By the time I _____ (see) you, I _____ (graduate).

Xảy ra khoảng thời gian nào?	
Có cụ thể không?	
Có sự xảy ra trước sau?	
Nếu vậy, chốt thì nào? Tại sao?	

13. I (visit) _____ my uncle's home regularly when I (be) _____ a child.

Maihouseenglish.com – Anhngumaihouse.com – 0362722034

Xảy ra khoảng thời gian nào?	
Có cụ thể không?	
Có sự xảy ra trước sau?	
Nếu vậy, chốt thì nào? Tại sao?	

14. That book (be) _____ on the table for weeks. _____ you (not read) _____ it yet ?

Xảy ra khoảng thời gian nào?	
Có cụ thể không?	
Có sự xảy ra trước sau?	
Nếu vậy, chốt thì nào? Tại sao?	

26. London (change) _____ a lot since we first (come) _____ to live here.

Xảy ra khoảng thời gian nào?	
Có cụ thể không?	
Có sự xảy ra trước sau?	
Nếu vậy, chốt thì nào? Tại sao?	

28. He used to talk to us for hours about all the interesting things he (do) _____ in his life.

Xảy ra khoảng thời gian nào?	
------------------------------	--

Có cụ thể không?	
Có sự xảy ra trước sau?	
Nếu vậy, chốt thì nào? Tại sao?	

29. You know she (stand)_____ looking at that picture for the last twenty minutes.

Xảy ra khoảng thời gian nào?	
Có cụ thể không?	
Có sự xảy ra trước sau?	
Nếu vậy, chốt thì nào? Tại sao?	

30. I (spend)_____ a lot of time travelling since I (get)_____ this new job.

Xảy ra khoảng thời gian nào?	
Có cụ thể không?	
Có sự xảy ra trước sau?	
Nếu vậy, chốt thì nào? Tại sao?	

34. She (have)_____ a hard life, but she's always smiling.

Xảy ra khoảng thời gian nào?	
Có cụ thể không?	
Có sự xảy ra trước sau?	
Nếu vậy, chốt thì nào? Tại sao?	